

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM THUẬN BẮC
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2017/DS-ST.

Ngày: 07/9/2017.

V/v: Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC,
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ung Thanh Quang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Khắc Nhu

2. Ông Thông Văn Đá

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Na – Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Hiệp – Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 07 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 84/2017/TLST-DS ngày 12/6/2017, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2017/QĐST-DS ngày 04/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2017/QĐST-DS ngày 22/8/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: - Bà Võ Thị Bích T – sinh năm 1986 (Có mặt)

- Ông La Hữu T - sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã Hàm Chính, huyện Hàm Thuận Bắc – Bình Thuận

2. Người đại diện theo ủy quyền của ông La Hữu T: Bà Võ Thị Bích T – 1986 (Có mặt) theo giấy ủy quyền ngày 26/6/2017.

Địa chỉ: Thôn H, xã Hàm Chính, huyện Hàm Thuận Bắc – Bình Thuận

3. Bị đơn: - Ông Nguyễn Thành V – sinh năm 1965 (Vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị D – sinh năm 1970 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn T, thị trấn Ma Lâm, huyện Hàm Thuận Bắc – Bình Thuận

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/5/2017 cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị Bích T, bà T đại diện theo ủy quyền của ông T trình bày: Ngày 15/8/2012, Bà Nguyễn Thị D có ký giấy vay của bà số tiền 37.000.000đ (Ba mươi bảy triệu đồng), thời hạn vay 03 tháng, ngày trả nợ 15/11/2012, không có lãi, mục đích vay tiền để làm ăn, đầu tư cho cây thanh long. Khi đến hạn trả nợ thì bà đến nhà đòi nợ nhưng bà D không chịu trả nợ nên bà khởi kiện ra Ban điều hành thôn Tầm Hưng, thị trấn Ma Lâm. Ngày 26/7/2013, thôn Tầm Hưng có lập biên bản hòa giải thì bà D thừa nhận nợ và hẹn sẽ trả trong vòng 02 năm cùng với lãi suất theo quy định của pháp luật nhưng bà D không thực hiện đúng lời hứa, từ ngày 26/7/2013 đến 26/7/2015 bà D trả cho bà 7.000.000đ, còn lại

30.000.000đ không trả. Vào tháng 01/2006 bà D mượn thêm của bà 4.000.000đ nữa và thế chấp cho bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 576859 ngày 11/5/2016 đứng tên Nguyễn Thành V và Nguyễn Thị D, nhưng bà chỉ đưa cho bà D 2.000.000đ. Nay bà yêu cầu vợ chồng ông V và bà D trả cho bà tiền gốc là 30.000.000đ và tiền lãi 1,125%/ tháng từ ngày 26/7/2013 đến ngày 26/7/2017 là 16.200.000đ cùng với số tiền mượn vào tháng 01/2016 là 2.000.000đ. Tổng cộng là 48.200.000đ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị D trình bày: Chồng bà tên Nguyễn Thành V, ngày 14/5/2013, vợ chồng bà có vay của vợ chồng ông La Hữu T và bà Võ Thị Bích T số tiền 30.000.000đ, có làm giấy ngày 15/8/2012, thỏa thuận lãi 0,03%/tháng, vợ chồng bà trả lãi được 02 năm thì không trả được nữa vì hoàn cảnh khó khăn. Sau đó khoảng tháng 01/2016 vợ chồng bà có vay thêm của vợ chồng ông T và bà T 4.000.000đ có thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 576859 ngày 11/5/2016 đứng tên ông Nguyễn Thành V và bà Nguyễn Thị D, khi vay 4.000.000đ có viết giấy nhưng bà chỉ nhận 2.000.000đ. Nay vợ chồng bà còn nợ của vợ chồng ông T và bà T 32.000.000đ. Theo yêu cầu của vợ chồng ông T và bà T thì bà không đồng ý trả 48.200.000đ, bà xin số tiền lãi 16.200.000đ, chỉ đồng ý trả cho vợ chồng bà T 32.000.000đ

Bị đơn ông Nguyễn Thành V vắng mặt nên không có lời khai.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc đề nghị: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông La Hữu T và bà Võ Thị Bích T, buộc vợ chồng ông Nguyễn Thành V và bà Nguyễn Thị D phải trả cho vợ chồng ông La Hữu T và bà Võ Thị Bích T 48.200.000đ (Bốn mươi tám triệu hai trăm ngàn đồng).

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng vợ chồng ông Nguyễn Thành V và bà Nguyễn Thị D không có mặt nên các bên đương sự không tự thỏa thuận được với nhau. Các đương sự đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định: Sự vắng mặt của ông Nguyễn Thành V không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa, ông Nguyễn Thành V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định pháp luật nhưng ông vẫn cố tình vắng mặt, chứng tỏ ông đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng, không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Thành V.

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2017/QĐST-DS ngày 04/8/2017 đã ghi quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”, qua thẩm tra tài liệu chứng cứ và các đương sự xác định yêu cầu của mình tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng đây là “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thị trấn Ma Lâm, huyện Hàm Thuận

Bắc nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc có thẩm quyền giải quyết.

2. Về áp dụng pháp luật: Do hợp đồng vay tài sản giữa hai bên được xác lập vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 đang có hiệu lực nhưng giao dịch dân sự này có nội dung và hình thức phù hợp Bộ luật dân sự năm 2015 nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

3. Về thời hiệu khởi kiện: Sau khi vợ chồng ông Nguyễn Thành V và bà Nguyễn Thị D vi phạm nghĩa vụ trả tiền ngày 26/7/2015, ngày 08/5/2017 vợ chồng ông La Hữu T và bà Võ Thị Bích T đã thực hiện quyền khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc trong hạn 03 năm nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

4. Về tư cách tham gia tố tụng: Căn cứ giấy ủy quyền của ông La Hữu T ủy quyền cho bà Võ Thị Bích T đại diện là hợp lệ đúng quy định tại Điều 138 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

5. Về yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử phân tích như sau: Căn cứ giấy vay tiền ngày 15/8/2012 do hai bên thỏa thuận thì bà Nguyễn Thị D có ký giấy vay tiền của bà T thể hiện số tiền gốc 37.000.000đ (Ba mươi bảy triệu đồng), thời hạn vay 03 tháng, ngày trả nợ 15/11/2012, không lãi suất. Do đó, bị đơn có nợ nguyên đơn tiền gốc 37.000.000đ được các bên thừa nhận và ký kết không trái với quy định của pháp luật nên có đủ cơ sở xác định hợp đồng vay tiền có thời hạn và có lãi giữa các bên đã phát sinh hiệu lực pháp luật. Đến hạn trả nợ nhưng bị đơn chỉ trả cho nguyên đơn 7.000.000đ, còn lại 30.000.000đ không trả nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc đã vay 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) và lãi suất 13%/năm từ ngày 26/7/2013 đến ngày 26/7/2017 là 16.200.000đ. Căn cứ giấy thuê sổ đỏ không ngày tháng 01/2016 thì bà Nguyễn Thị D có thể chấp cho bà T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 576859 ngày 11/5/2016 đứng tên Nguyễn Thành V và Nguyễn Thị D vay 2.000.000đ, thời hạn 01 tháng nhưng cũng không trả nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ tổng cộng 48.200.000đ là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

6. Đối với bà Nguyễn Thị D cho rằng khoảng năm 2012 bà có vay của vợ chồng ông T và bà T 30.000.000đ và tháng 01/2016 bà thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 576859 ngày 11/5/2016 đứng tên Nguyễn Thành V và Nguyễn Thị D để vay 2.000.000đ, tổng cộng 32.000.000đ, bà xin bà T tiền lãi 16.200.000đ thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại tòa bà T không đồng ý cho tiền lãi bà D, xét yêu cầu tính lãi suất 1,125%/tháng đối với số tiền gốc 30.000.000đ từ ngày 26/7/2013 đến 26/7/2017 là phù hợp pháp luật nên buộc vợ chồng bà D và ông V phải trả tiền lãi 16.200.000đ cho vợ chồng ông T bà T.

7. Về nghĩa vụ trả nợ của ông Nguyễn Thành V: Trong thời gian sống chung vợ chồng và theo nội dung giấy mượn tiền ngày 15/8/2012 thì bà D ký giấy mượn tiền để vay vốn làm ăn, đầu tư chăm sóc cây thanh long bán tạo thu nhập chi tiêu hàng ngày là đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên có cơ sở xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng. Do đó, cần phải buộc ông Nguyễn Thành V cùng bà Nguyễn

Thị D phải chịu trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng bà T và ông T.

8. Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 576859 ngày 11/5/2016 đứng tên Nguyễn Thành V và Nguyễn Thị D thấy rằng: Sau khi ông Nguyễn Thành V và Nguyễn Thị D trả nợ gốc và lãi cho vợ chồng bà T và ông T xong thì bà T và ông T phải có trách nhiệm trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 576859 ngày 11/5/2016 nêu trên cho ông V và bà D.

9. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do vợ chồng ông Nguyễn Thành V và Nguyễn Thị D buộc phải trả tiền cho vợ chồng ông T bà T vì vậy vợ chồng ông Nguyễn Thành V và Nguyễn Thị D phải chịu án phí trên tổng số tiền phải trả theo quy định của pháp luật. Cụ thể: Vợ chồng ông Nguyễn Thành V và Nguyễn Thị D phải chịu $48.200.000đ \times 5\% = 2.410.000đ$.

Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

2. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông La Hữu T và bà Võ Thị Bích T, buộc vợ chồng ông Nguyễn Thành V và bà Nguyễn Thị D phải trả cho vợ chồng ông La Hữu T và bà Võ Thị Bích T **48.200.000đ** (Bốn mươi tám triệu hai trăm ngàn đồng).

Vợ chồng ông La Hữu T và bà Võ Thị Bích T hoàn trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 576859 ngày 11/5/2016 đứng tên Nguyễn Thành V và Nguyễn Thị D cho ông V và bà D.

3. Về án phí, lệ phí: Áp dụng: khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

- Vợ chồng ông Nguyễn Thành V và bà Nguyễn Thị D phải chịu 2.410.000đ (Hai triệu bốn trăm mười ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Vợ chồng ông La Hữu T và bà Võ Thị Bích T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho vợ chồng ông La Hữu T và bà Võ Thị Bích T 1.025.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0014386 ngày 12/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 07/9/2017). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì có

quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết tại địa phương.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong các khoản tiền nêu trên thì phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành, mức lãi suất như sau:

- Theo thỏa thuận của đương sự nhưng không được quá 20%/ năm, trừ trường hợp có quy định khác của pháp luật.

- Trường hợp các bên không có thỏa thuận thì theo mức lãi suất 10%/ năm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
- Chi cục THADS huyện Hàm Thuận Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ung Thanh Quang